

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HS-ST

Ngày: 17-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thơ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Ngô Đức V**, sinh năm 1993, tại thành phố P; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đức N và bà Đoàn Thị T; bị cáo có vợ và 03 người con; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện BC kết án về tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt 18 tháng tù theo Bản án số 21/2012/HS-ST ngày 13-6-2012 (đã xóa án tích); bị Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt 03 tháng 18 ngày tù theo Bản án số 27/2015/HSST ngày 20-01-2015 (đã xóa án tích); tiền án: không có, tiền sự: Quyết định số 75 ngày 13-5-2020 của Công an thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xử phạt Ngô Đức V số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc với hình thức đá gà thắng thua bằng tiền; bị tạm giữ ngày 06-12-2020 đến ngày 14-12-2020, chuyển tạm giam ngày 14-12-2020 cho đến nay; có mặt.

**2. Nguyễn Văn Minh H (T4)**, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ và 02 người con; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 127 ngày 29-9-2018, Công an huyện TC, tỉnh Tây Ninh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa); tiền sự: không có, tiền án: Bản án số 43 ngày 27-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Văn Minh H 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 06-7-2020 (chưa được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 06/12/2020, chuyển tạm giam ngày 14-12-2020; ngày 03-02-2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

**3. Phạm Thị H1**, sinh năm 1981, tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: khu phố TL, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị U (đã chết); bị cáo có chồng và 03 người con; tiền sự, tiền án: không có; bị tạm giữ ngày 06-12-2020 đến ngày 14-12-2020; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

**4. Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1985, tại tỉnh Long An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 3xx/1x, khu Q, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị D (đã chết); bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 01 người con; tiền sự: Không có; tiền án: Bản án số 119/2018/HS-PT ngày 22-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh căn cứ khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị Kim C 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, chấp hành xong ngày 22-11-2019 (đã xóa án tích); bị tạm giữ ngày 06-12-2020 đến ngày 14-12-2020, tạm giam ngày 14-12-2020 cho đến nay; có mặt.

**5. Lâm Văn T (M)**, sinh năm 1983, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ X, khu phố NB, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 06-12-2020, chuyển tạm giam ngày 14-12-2020 đến ngày 03-02-2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

**6. Nguyễn Hoàng T1**, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: ấp P3, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng D và bà Phan Thị Mỹ D1; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 06-12-2020 đến ngày 14-12-2020; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

**7. Ngô Minh H2**, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 8xx, tổ xx, ấp PL, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C và bà Lê Thị Ch; bị cáo có vợ (đã ly hôn năm 2014) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 06-12-2020 đến ngày 14-12-2020, tạm giam từ ngày 14-12-2020 đến ngày 03-02-2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

**8. Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ xx, ấp Đ, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị D; bị cáo có vợ (đã ly hôn năm 2018) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 06-12-2020, tạm giam ngày từ ngày 14-12-2020 đến ngày 03-02-2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Bé Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Đ, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 05-12-2020, đối tượng L (không rõ họ tên, địa chỉ) sử dụng vườn cao su thuộc ấp PL, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh để làm địa điểm tổ chức đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu. Sau đó, L đã cho Nguyễn Văn Minh H thuê địa điểm này để làm cái lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền cho khoảng 06 đối tượng (không xác định được họ tên, địa chỉ) tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H hết ca làm cái nên ra ngoài ngồi xem, đợi đến lượt sẽ tiếp tục thuê ca làm cái. Sau đó, có hai đối tượng tên X và T (không rõ họ tên, địa chỉ) thay nhau làm cái. Đến khoảng 23 giờ 50 phút, đến lượt Ngô Đức V làm cái lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền. V làm cái lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền cho các bị cáo tham gia gồm: Lâm Văn T, Ngô Minh H2, Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Thị Kim C, Phạm Thị H1 và Nguyễn Văn Đ và một số đối tượng khác. Đến khoảng 01 giờ 10 phút ngày 06-12-2020, trong lúc V đang làm cái lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

- Nguyễn Văn Minh H: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05-12-2020, H đem theo số tiền 80.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 30.000.000 đồng để làm vốn làm cái lắc tài xỉu cho khoảng 06 đối tượng (không xác định được họ tên, địa chỉ) tham gia đánh bạc. H làm cái khoảng 20 ván, mỗi ván số tiền thắng thua dao động từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng, kết quả H thắng được số tiền 6.000.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H hết ca làm cái lắc tài xỉu nên ngồi xem đợi đến lượt làm cái tiếp theo. Đến khoảng 01 giờ 10 phút ngày 06-12-2020, H đang ngồi xem Ngô Đức V làm cái lắc tài xỉu thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, tạm giữ số tiền 86.000.000 đồng, trong đó 36.000.000 đồng là tiền vốn và tiền thắng khi tham gia đánh bạc.

- Ngô Đức V đem theo số tiền 20.120.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 19.500.000 đồng để làm vốn làm cái lắc tài xỉu cho khoảng 06 đối tượng tham gia. V làm cái khoảng 10 ván, mỗi ván số tiền thắng thua dao động từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng, kết quả V thua số tiền 5.500.000 đồng. Sau đó, lực lượng Công an bắt quả tang V bỏ lại số tiền 14.000.000 đồng tại chiếu bạc. V bị tạm giữ số tiền 620.000 đồng là tiền không dùng để đánh bạc.

- Lâm Văn T đem theo số tiền 4.620.000 đồng để làm vốn đánh bạc do V làm cái. T tham gia đặt 06 ván, mỗi ván đặt với số tiền 500.000 đồng, kết quả T thua số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, bị bắt quả tang thì T bị tạm giữ số tiền 1.620.000 đồng là tiền vốn còn lại sử dụng để đánh bạc.

- Ngô Minh H2 đem theo số tiền 49.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để làm vốn đánh bạc do V làm cái. H2 tham gia đặt 02 ván, mỗi ván đặt với số tiền 500.000 đồng, kết quả H2 thua số tiền 1.000.000 đồng. Khi lực lượng Công an bắt quả tang, H2 đánh rơi mất số tiền 500.000 đồng và bị tạm giữ số tiền 47.500.000 đồng, trong đó 500.000 đồng là tiền vốn còn lại sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Hoàng T1 đem theo số tiền 2.070.000 đồng để làm vốn đánh bạc do V làm cái. T1 tham gia hùn đặt 01 ván với người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) số tiền 50.000 đồng, kết quả T1 thua số tiền 50.000 đồng. Sau đó, bị bắt quả tang và T1 bị tạm giữ số tiền 2.020.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim C đem theo số tiền 38.658.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 3.000.000 đồng để làm vốn đánh bạc do V làm cái, C tham gia đặt 10 ván, mỗi ván đặt với số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, C thua số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, C để lại số tiền 2.000.000 đồng tại chiếu bạc. Khi bị bắt quả tang, C bị tạm giữ số tiền 35.658.000 đồng là tiền không dùng để đánh bạc.

- Phạm Thị H1 đem theo số tiền 11.080.000 đồng để làm vốn đánh bạc do V làm cái. H1 tham gia đặt 05 ván, mỗi ván đặt với số tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, kết quả thua số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, bị bắt quả tang, H1 bị tạm giữ số tiền 10.080.000 đồng là tiền vốn còn lại sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Văn Đ đem theo số tiền 10.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để làm vốn đánh bạc do V làm cái. Đ tham gia đặt 10 ván, mỗi ván đặt với số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả Đ thắng số tiền 1.700.000 đồng. Sau đó, bị bắt quả tang, Đ đánh rơi mất số tiền 60.000 đồng và bị tạm giữ số tiền 12.140.000 đồng, trong đó 3.700.000 đồng là tiền vốn và tiền thắng khi tham gia đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

\* Tang vật thu giữ:

- Tiền Việt Nam 231.238.000 đ (Hai trăm ba mươi một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng);

- 01 (Một) bình nhựa màu vàng, dưới đáy bình có chữ “TH”;
- 02 (Hai) đèn pin 60W hiệu SUNCESSA, màu xanh-cam;
- 01 (Một) đèn pin “TRẦN H CKV – 5A”, màu xám- nâu- đen;
- 01 (Một) đĩa sứ màu trắng, dưới đáy đĩa có chữ “Chuan Kuo”;
- 01 (Một) nắp nhựa màu xanh, quần băng keo màu đỏ bên ngoài;
- 15 (Mười lăm) viên xì ngầu;
- 01 (Một) tấm bạt màu xanh;
- 02 (Hai) tấm bạt màu xanh – cam.

\* Kê biên tài sản:

- Kê biên của Nguyễn Văn Minh H: Thừa đất số 73, tờ bản đồ số 81, diện tích 156,5m<sup>2</sup>, tại ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

- Kê biên của Lâm Văn T: Thừa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.279m<sup>2</sup>, tại khu phố NB, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Kê biên của Phạm Thị H1: Thừa đất số 633, tờ bản đồ số 42, diện tích 150m<sup>2</sup>, khu phố TL, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

- Kê biên của Ngô Minh H2: Thừa đất số 40, tờ bản đồ số 26, diện tích 23.547,6m<sup>2</sup>, tại xã SĐ, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hoàng T1 không có tài sản riêng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không tiến hành kê biên tài sản.

\* Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác được áp dụng:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Văn Minh H đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H, Lâm Văn T và Nguyễn Thị Kim C quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Minh H, Ngô Đức V, Phạm Thị H1, Nguyễn Thị Kim C, Lâm Văn T, Nguyễn Hoàng T1, Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Đức V từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Minh H từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim C từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lâm Văn T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Minh H2 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy các công cụ, phương tiện sử dụng vào mục đích phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng: 01 (Một) bình nhựa màu vàng, dưới đáy bình có chữ “TH”; 02 (Hai) đèn pin 60W hiệu SUNCESSA, màu xanh-cam; 01 (Một) đèn pin “TRẦN H CKV – 5A”, màu xám- nâu- đen; 01 (Một) đĩa sứ màu trắng, dưới đáy đĩa có chữ “Chuan Kuo”; 01 (Một) nắp nhựa màu xanh, quần băng keo màu đỏ bên ngoài; 15 (Mười lăm) viên xì ngầu; 01 (Một) tấm bạt màu xanh; 02 (Hai) tấm bạt màu xanh – cam.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền có được từ việc đánh bạc.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện:

Vào ngày 06-12-2020, tại vườn cao su thuộc khu vực ấp P2, xã P, Huyện D, tỉnh TN, Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H, Nguyễn Hoàng T1, Lâm Văn T, Phạm Thị H1, Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Kim C thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức lặc tài xỉu nhằm thu lợi bất chính thì bị Công an Huyện D bắt quả tang. Trong đó, tổng số tiền Ngô Đức V, Lâm Văn T, Ngô Minh H2, Nguyễn Thị Kim C, Phạm Thị H1, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hoàng T1 dùng để đánh bạc khi bị cáo Ngô Đức V làm cái là 44.270.000 đồng. Riêng Nguyễn Văn Minh H làm cái là với số tiền sử dụng đánh bạc là 30.000.000 đồng và những người tham gia đánh bạc khi H làm cái chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H, Nguyễn Hoàng T1, Lâm Văn T, Phạm Thị H1, Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Kim C phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo: Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, mỗi bị cáo thực hiện hành vi với tính chất mức độ khác nhau nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo, cụ thể:

Bị cáo H sử dụng số tiền 30.000.000 đồng để làm cái lắc tài xỉu cho 06 đối tượng không rõ họ tên địa chỉ tham gia đặt; bị cáo V sử dụng số tiền 19.500.000 đồng làm cái lắc tài xỉu cho các bị cáo còn lại trong vụ án tham gia đặt. Mặc dù số tiền bị cáo H sử dụng vào mục đích đánh bạc cao hơn bị cáo V, tuy nhiên tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của sòng bạc do bị cáo V làm cái là 44.270.000 đồng, xét thấy tính chất mức độ hành vi của hai bị cáo là ngang nhau nên trách nhiệm hình sự hai bị cáo phải chịu là ngang nhau. Xét thấy, bị cáo V có nhân thân xấu, có 02 lần bị kết án, 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo H có tiền án về tội “Đánh bạc” nay lại tiếp tục phạm tội cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật nên cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo H1 sử dụng số tiền 11.080.000 đồng tham gia đánh bạc, bị cáo C mang theo số tiền 38.658.000 đồng đến sòng bạc và sử dụng số tiền 3.000.000 đồng tham gia đặt 10 ván, bị cáo T sử dụng số tiền 4.620.000 đồng tham gia đặt 06 ván. Bị cáo T1 sử dụng số tiền 2.070.000 đồng; bị cáo Đ, H2 mỗi bị cáo sử dụng số tiền 2.000.000 đồng tham gia đánh bạc. Do đó, trách nhiệm hình sự bị cáo C, T phải chịu thấp hơn bị cáo H1 nhưng cao hơn bị cáo T1, Đ, H2. Tuy nhiên, xét về nhân thân của các bị cáo thấy rằng: bị cáo H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; bị cáo C đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc” xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo đã chấp hành xong, được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc” nên mức hình phạt bị cáo C phải chịu cao hơn bị cáo H1. Bị cáo T, T1, Đ, H2 có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng, không có tiền án tiền sự, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tính răn đe, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng:

Nguyễn Văn Minh H đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:



- Các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H, Lâm Văn T và Nguyễn Thị Kim C quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Phạm Thị H1, Nguyễn Hoàng T1, Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần phạt bổ sung các bị cáo một số tiền nhất định để sung ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với số tiền 20.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc được cất giữ trong bình nhựa, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H, V xác định khi làm cái không đưa tiền xâu, cũng không bỏ tiền xâu vào chai nhựa, các bị cáo còn lại cũng xác định không nhìn thấy các bị cáo làm cái bỏ tiền xâu vào nên chưa có đủ cơ sở xác định đây là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của sòng bạc này. Tuy nhiên, đây là tiền thu trên chiếu bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Các đối tượng L, D, Nh, BĐ, Th, X, T2 không rõ họ tên, địa chỉ, khi điều tra được xử lý sau.

[8] Biện pháp tư pháp:

[8.1] Công cụ sử dụng đánh bạc không có giá trị phải tịch thu tiêu hủy.

Tiêu hủy: 01 (Một) bình nhựa màu vàng, dưới đáy bình có chữ “TH”; 02 (Hai) đèn pin 60W hiệu SUNCESSA, màu xanh-cam; 01 (Một) đèn pin “TRẦN H CKV – 5A”, màu xám- nâu- đen; 01 (Một) đĩa sứ màu trắng, dưới đáy đĩa có chữ “Chuan Kuo”; 01 (Một) nắp nhựa màu xanh, quần băng keo màu đỏ bên ngoài; 15 (Mười lăm) viên xí ngầu; 01 (Một) tấm bạt màu xanh; 02 (Hai) tấm bạt màu xanh – cam.

[8.2] Số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8.3] Số tiền các bị cáo đã bị thu giữ nhưng không liên quan đến tội phạm cần tuyên trả cho các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H (T4), Phạm Thị H1, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Hoàng T1, Lâm Văn T (M), Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”**

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Đức V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-12-2020.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Minh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-12-2020 đến ngày 03-02-2021.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị H1 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-12-2020 đến 14-12-2020.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim C 09 (chín) tháng 16 (mười sáu) ngày tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-12-2020.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lâm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 60 ngày bằng 180 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lâm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

1.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ là 09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T1 cho Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

1.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Minh H2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 60 ngày bằng 180 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Minh H2 cho Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

1.8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 60 ngày bằng 180 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

**2. Hình phạt bổ sung:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Kim C mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Văn T, Nguyễn Hoàng T1, Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

**3. Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 ( Một) bình nhựa màu vàng, dưới đáy bình có chữ “TH”;
- 02 (Hai) đèn pin 60W hiệu SUNCESSA, màu xanh-cam;
- 01 (Một) đèn pin “TRẦN H CKV – 5A”, màu xám- nâu- đen;
- 01 (Một) đĩa sứ màu trắng, dưới đáy đĩa có chữ “Chuan Kuo”;
- 01 (Một) nắp nhựa màu xanh, quần băng keo màu đỏ bên ngoài;
- 15 (Mười lăm) viên xì ngẫu;
- 01 (Một) tấm bạt màu xanh;
- 02 (Hai) tấm bạt màu xanh – cam.

3.2. Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- Tiền Việt Nam: 68.960.000 đồng.
- Bị cáo V nộp lại số tiền 5.500.000 đồng;
- Bị cáo H1 nộp lại số tiền 1.000.000 đồng;
- Bị cáo C nộp lại số tiền 1.000.000 đồng;
- Bị cáo T nộp lại số tiền 3.000.000 đồng;
- Bị cáo T1 nộp lại số tiền 50.000 đồng;
- Bị cáo H2 nộp lại số tiền 1.500.000 đồng;
- Bị cáo Đ nộp lại số tiền 60.000 đồng.

3.3. Trả cho các bị cáo tiền không sử dụng vào mục đích đánh bạc:

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn Minh H số tiền 50.000.000 đồng;
- Trả cho bị cáo Ngô Đức V số tiền 620.000 đồng;
- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Kim C số tiền 35.658.000 đồng;
- Trả cho bị cáo Ngô Minh H2 số tiền 47.000.000 đồng;
- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 8.500.000 đồng.

*(Vật chứng, tiền hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án).*

#### **3.4. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên:**

- Kê biên của Nguyễn Văn Minh H: Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 81, diện tích 156,5m<sup>2</sup>, tại ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14-7-2017 cho Nguyễn Văn Minh H và chị Nguyễn Thị Bé Tr đứng tên.

- Kê biên của Lâm Văn T: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.279m<sup>2</sup>, tại khu phố NB, phường NS, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04863 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30-7-2015 cho Lâm Văn T đứng tên.

- Kê biên của Phạm Thị H1: Thửa đất số 633, tờ bản đồ số 42, diện tích 150m<sup>2</sup>, khu phố TL, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12241 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29-3-2017 cho Nguyễn Thị H đứng tên.

- Kê biên của Ngô Minh H2: Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 26, diện tích 23.547,6m<sup>2</sup>, tại xã SĐ, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07242 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-11-2020 cho Ngô Minh H đứng tên.

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Văn Minh H, Phạm Thị H1, Nguyễn Thị Kim C, Lâm Văn T, Nguyễn Hoàng T1, Ngô Minh H2, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

**5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**6. Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án** này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp;
- VKSND H.DMC;
- CQĐT CA H.DMC;
- Nhà tạm giữ CA H.DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- PV06 – Công an tỉnh TN;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- L hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Thị Thơ**